

các lĩnh khác như sự nghiệp kinh tế, hoạt động văn hóa - xã hội và nhiều loại hình phục vụ xã hội khác.

Có thể nói hoạt động ngân sách của Đồng Nai trong thời gian qua đã đạt được thành công trên nhiều mặt, vừa được quản lý, điều tiết và phân bổ chi tiêu hợp lý, đồng thời hỗ trợ mạnh cho đầu tư phát triển kinh tế, phát huy tốt vai trò là công cụ điều tiết vĩ mô nền kinh tế, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, trong hoạt động ngân sách cũng còn một số hạn chế, đặc biệt là chưa tận dụng hết nguồn thu do chưa kiểm soát chặt chẽ các khoản thu thuế và vẫn còn tình trạng trốn thuế. Chi ngân sách vẫn chưa khắc phục được tình trạng dàn trải, thiếu tập trung và chưa thật sự phát huy vai trò điều tiết nền kinh tế một cách hiệu quả. Đó là những nhiệm vụ lớn mà Đồng Nai cần khắc phục trong những năm tới.

2. CÁC LĨNH VỰC KINH TẾ CHỦ YẾU Ở ĐỒNG NAI GIAI ĐOẠN 1975-2005

a. Công nghiệp, xây dựng

Công nghiệp Đồng Nai có lịch sử phát triển rất sớm, từ thời khai sinh ra vùng đất phương Nam cách đây hơn 300 năm với sự xuất hiện nhiều làng nghề. Đến cuối những năm 1950, công nghiệp Đồng Nai đã thực sự hình thành với việc xây dựng Nhà máy giấy Đồng Nai COGIDO và Nhà máy giấy Tân Mai COGIVINA. Năm 1963, Khu kỹ nghệ Biên Hòa được xây dựng trên diện tích 335 ha (nay là khu công nghiệp Biên Hòa I), đánh dấu thời kỳ công nghiệp của tỉnh phát triển theo mô hình sản xuất công nghiệp tập trung. Đây là khu công nghiệp đầu tiên ở Việt Nam và Đông Nam Á lúc bấy giờ, tập trung hầu hết các máy móc thiết bị hiện đại nhất nhập từ Mỹ, Nhật, Tây Đức, Đài Loan, sản xuất ra nhiều mặt hàng phục vụ nhu cầu quân sự và dân sự. Khu công nghiệp này tiếp tục phát triển mở rộng hơn nhiều lần cho đến năm 1973. Chính sự hình thành và phát triển khu công nghiệp tập trung này đã góp phần quan trọng vào sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa của tỉnh thời kỳ trước giải phóng miền Nam và cho cả giai đoạn sau này.

**** Quá trình phát triển công nghiệp Đồng Nai giai đoạn 1976-1985***

Sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng, nhiều cơ sở sản xuất

công nghiệp được Nhà nước tiếp quản và tiếp tục hoạt động. Tuy nhiên, đây là thời kỳ sau chiến tranh với nhiều khó khăn cả về vốn, kỹ thuật, lao động nên mục tiêu của thời kỳ này là khắc phục hậu quả chiến tranh, nhanh chóng khôi phục và ổn định sản xuất, phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng thiết yếu.

Kết quả rõ rệt của giai đoạn 5 năm từ 1976 đến 1980 là ngành công nghiệp đã nhanh chóng phục hồi và được xây dựng mới thêm nhiều cơ sở sản xuất. Trước giải phóng, Đồng Nai chỉ có 1 khu công nghiệp Biên Hòa với 36 xí nghiệp hoạt động thì đến năm 1980, toàn tỉnh đã có 1.907 cơ sở sản xuất công nghiệp với 40 xí nghiệp quốc doanh trung ương, 69 xí nghiệp quốc doanh địa phương và 1.422 cơ sở sản xuất ngoài quốc doanh.

Song song với việc khôi phục và phát triển các cơ sở sản xuất mới, điểm nổi bật trong giai đoạn phát triển công nghiệp này là ngành điện Đồng Nai đã được tập trung xây dựng phát triển mới, đặc biệt là xây dựng nhiều hệ thống lưới điện mới phục vụ sản xuất công nghiệp và nông nghiệp. Nhiều công trình thủy điện lớn bắt đầu được xây dựng như thủy điện Trị An, thủy điện huyện Vĩnh Cửu, nhiều nguồn phát điện diezen được sửa chữa để cấp điện cho thị trấn Long Khánh, Kiệm Tân, Định Quán.

Kết quả là, việc khôi phục và phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp cùng với việc phát triển hệ thống cung cấp điện đã tạo ra được nhiều sản phẩm mới phục vụ cho sản xuất, nhất là phục vụ sản xuất nông nghiệp và một số mặt hàng tiêu dùng nội địa, giải quyết việc làm cho hàng vạn người lao động. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp đến năm 1980 đã đạt 719.390 triệu đồng (tính theo giá cố định năm 1994), gấp xấp xỉ 5,5 lần so với năm 1976. Tốc độ tăng trưởng công nghiệp bình quân giai đoạn này là gần 53%, trong đó công nghiệp quốc doanh trung ương, thể hiện vai trò chủ đạo của mình, có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất, bình quân 123,9% năm, công nghiệp quốc doanh địa phương tăng bình quân 14,95% và công nghiệp ngoài quốc doanh tăng bình quân 12,43%.

Thời kỳ 5 năm sau của giai đoạn này (1980-1985), ngành công nghiệp của tỉnh vẫn tiếp tục ổn định sản xuất, mặc dù bắt đầu tăng trưởng chậm lại và bộc lộ nhiều yếu kém do cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp lúc bấy giờ. Giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh năm 1985 đạt

1.083.086 triệu đồng (giá cố định 1994), chỉ tăng 1,5 lần mức của năm 1980, trong đó chủ yếu vẫn là đóng góp của doanh nghiệp quốc doanh trung ương (chiếm 62,9%) và công nghiệp quốc doanh địa phương (22,8%). Tốc độ tăng trưởng giá trị công nghiệp toàn tỉnh bình quân hàng năm giai đoạn này chỉ đạt 8,53%, chỉ bằng 1/6 tốc độ tăng trưởng bình quân của 5 năm trước đó.

Tuy nhiên, thành tựu nổi bật trong giai đoạn phát triển công nghiệp 10 năm này của Đồng Nai là ngành cơ khí đã phát triển tương đối khá, đặc biệt là máy móc phục vụ nông nghiệp. Nhiều loại máy nông cụ đã được sản xuất trên địa bàn tỉnh như máy bơm nước, máy tuốt lúa, bình xịt thuốc trừ sâu, sửa chữa máy nông nghiệp, phục vụ tốt cho sản xuất nông nghiệp, góp phần làm tăng năng suất nông nghiệp. Sản xuất hàng tiêu dùng trong thời kỳ này cũng đã bắt đầu phát triển mạnh, đến năm 1985 giá trị sản xuất hàng tiêu dùng đã đạt 4.076,369 triệu đồng, tăng gấp 10 lần so với năm 1976. Một điểm đáng chú ý nữa là một số mặt hàng công nghiệp đã bắt đầu được xuất khẩu như quạt trần, ván sàn, mặc dù thị trường xuất khẩu chỉ bó hẹp trong khối SEV⁽¹⁾. Chính những thắng lợi của ngành công nghiệp trong giai đoạn này đã tạo tiền đề quan trọng cho sự phát triển nhanh chóng trong thời kỳ đổi mới của giai đoạn sau.

**** Quá trình phát triển công nghiệp Đồng Nai giai đoạn 1986-2005***

- Giai đoạn 1986-1990

Thời kỳ đầu của giai đoạn đổi mới 1986-1990 được đánh dấu bằng việc chuyển đổi từ cơ chế quản lý cũ sang cơ chế quản lý mới, xoá bỏ bao cấp, mở rộng quyền tự chủ sản xuất - kinh doanh và hạch toán kinh tế đối với các doanh nghiệp. Để thực hiện hiệu quả ba chương trình kinh tế lớn mà Đảng đề ra là lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng thiết yếu và hàng xuất khẩu, Đồng Nai đã tập trung khai thác những lợi thế về điều kiện tự nhiên, địa lý, phát huy mạnh các ngành công nghiệp mũi nhọn của mình là công nghiệp chế biến nông sản xuất khẩu và công nghiệp sản xuất vật liệu

⁽¹⁾ Hội đồng tương trợ kinh tế (tổ chức kinh tế của các nước xã hội chủ nghĩa được thành lập năm 1949 với sự tham gia của các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô. Việt Nam gia nhập SEV năm 1978).

xây dựng. Trong giai đoạn này, nhiều biện pháp đổi mới quản lý đã được áp dụng trong các xí nghiệp quốc doanh nhằm tăng hiệu quả sản xuất. Tuy nhiên, đây là giai đoạn chuyển tiếp từ cơ chế quản lý hành chính tập trung quan liêu bao cấp sang cơ chế kinh tế nhiều thành phần nên còn nhiều lúng túng. Kết quả thực hiện trong thời kỳ này khá khiêm tốn: Tốc độ tăng trưởng trung bình chỉ đạt 6,22%/năm, tỷ trọng công nghiệp trong GDP mới chỉ chiếm 20,72% năm 1990.

Giá trị sản xuất công nghiệp của Đồng Nai năm 1990 tăng gấp 1,35 lần so với năm 1985, đạt 1.464.174 triệu đồng, trong đó công nghiệp quốc doanh (trung ương và địa phương) tuy giảm chút ít song vẫn chiếm vị trí áp đảo (87,2%); tỷ trọng của công nghiệp ngoài quốc doanh đã tăng lên đến 12,8% so với 3,7% năm 1985 (theo giá cố định 1994). Trong giai đoạn này, công nghiệp Đồng Nai đã cung cấp được nhiều chủng loại hàng hóa cho sản xuất, tiêu dùng và xuất khẩu.

- Giai đoạn 1991-2005

Giai đoạn 15 năm sau đổi mới đến nay thực sự là bước phát triển đặc biệt mạnh mẽ của kinh tế Đồng Nai nói chung và công nghiệp nói riêng, mặc dù có những bước thăng trầm do tác động của khủng hoảng tài chính - tiền tệ khu vực năm 1997-1998.

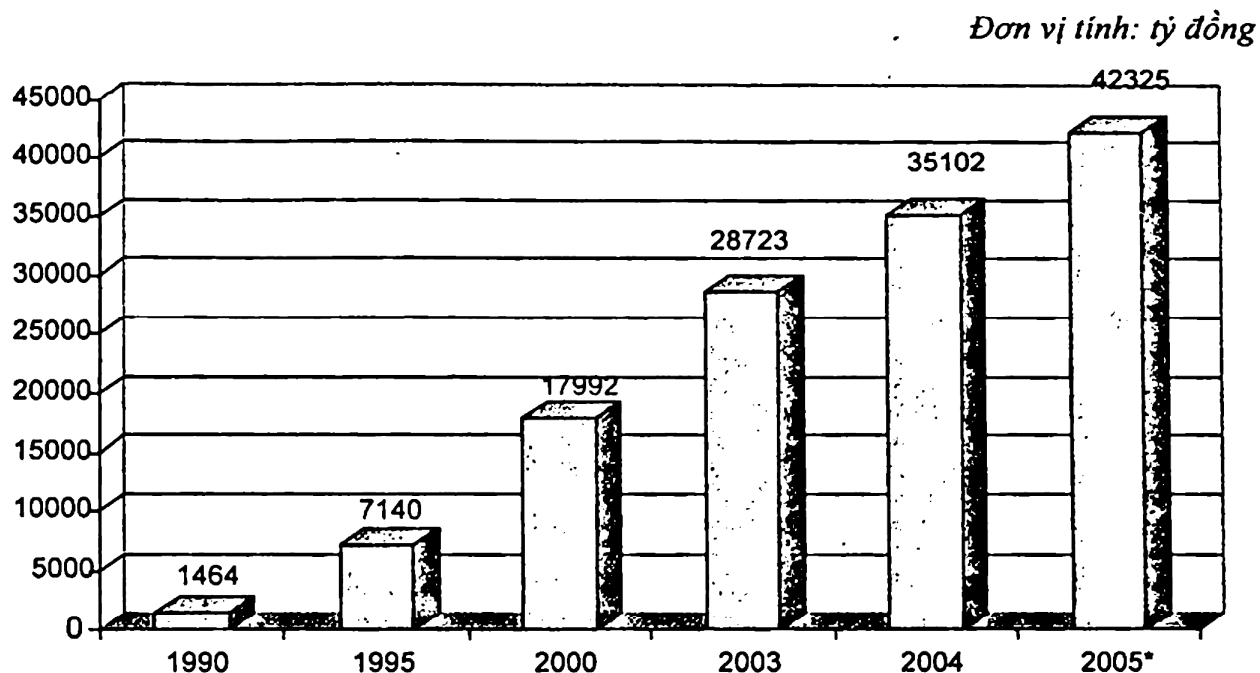
Tiếp tục thực hiện đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, với việc phát huy tiềm năng sẵn có, thu hút mọi thành phần kinh tế phát triển sản xuất, công nghiệp Đồng Nai đã phát triển nhanh chóng. Một trong những biện pháp để thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế của tỉnh được Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh đề ra và thực hiện là phát triển các khu công nghiệp tập trung nhằm thu hút đầu tư nước ngoài, tạo động lực cho sự phát triển công nghiệp nói riêng và nền kinh tế nói chung. Giai đoạn này được đánh dấu bằng sự xuất hiện của nhiều khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Năm 1993, khu công nghiệp Biên Hòa II được thành lập với tổng diện tích 365 ha; năm 1994 khu công nghiệp Amata với tổng diện tích 418 ha. Năm 1995, hai khu công nghiệp mới ra đời là khu công nghiệp Gò Dầu với tổng diện tích 184 ha và khu công nghiệp Nhơn Trạch I với diện tích 448 ha. Với bốn khu công nghiệp mới ra đời trong giai đoạn 1991-1995 và

khu công nghiệp Biên Hòa I trước đó, Đồng Nai đã thu hút được nhiều nhà đầu tư nước ngoài với nhiều ngành công nghiệp mới. Chỉ riêng trong 3 năm tính đến năm 1995, các khu công nghiệp Đồng Nai đã thu hút được 120 dự án được cấp phép, trong đó có 33 dự án đi vào sản xuất với vốn đầu tư thực tế là 300 triệu USD, tạo việc làm cho 10 nghìn lao động. Sự phát triển các khu công nghiệp đã hình thành rõ nét cơ cấu sản xuất công nghiệp tập trung của Đồng Nai, tạo tiền đề cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh. Nhiều ngành sản phẩm đã phát triển mạnh như chế biến thực phẩm, hóa chất, vật liệu xây dựng, luyện kim và gia công kim loại, cơ khí, điện tử, giấy, máy tính và phụ kiện. Những ngành này đến nay đã thực sự trở thành những ngành công nghiệp mũi nhọn, đóng góp lớn vào việc thúc đẩy công nghiệp Đồng Nai phát triển vượt bậc. Tốc độ tăng trưởng bình quân cả giai đoạn 1991-1995 đạt 37,3% năm và giá trị sản lượng công nghiệp năm 1995 gấp 4,9 lần năm 1990, đạt giá trị 7.139 tỷ đồng. Đây là thời kỳ có tính bước ngoặt vô cùng quan trọng trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh, hình thành rõ rệt cơ cấu kinh tế công nghiệp - nông nghiệp - dịch vụ, trong đó tỷ trọng công nghiệp trong GDP từ 20,7% năm 1990 đến năm 1995 đã tăng gần gấp đôi, lên đến 38,7%.

Với mục tiêu thực hiện một bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo tinh thần Nghị quyết 07/TW, tỉnh Đồng Nai đã tiếp tục có nhiều biện pháp thúc đẩy phát triển công nghiệp, đặc biệt là những biện pháp khuyến khích đầu tư trong nước và ngoài nước như đơn giản hóa các thủ tục đăng ký kinh doanh, cấp phép đầu tư, thủ tục thuế, hải quan... Chỉ trong 5 năm 1996-2000, công nghiệp Đồng Nai đã tăng trưởng với tốc độ cao so với cả nước, đạt mức bình quân 20,30%/năm, đến năm 2000, tỷ trọng công nghiệp trong GDP đã chiếm 52,2% (vượt mức chỉ tiêu mà Nghị quyết của Tỉnh Đảng bộ đề ra là 43,5%). Đạt được sự nhảy vọt trong phát triển công nghiệp giai đoạn này là nhờ xây dựng và mở rộng các khu công nghiệp tập trung. Trong 5 năm, lần lượt 5 khu công nghiệp mới đã được thành lập là khu công nghiệp Loteco, Nhơn Trạch II, Nhơn Trạch III, Sông Mây và Hố Nai với tổng diện tích được phê duyệt hơn 2.500 ha. Tính đến năm 2000, Đồng Nai đã phát triển được 10 khu công nghiệp tập trung, thu hút gần 200 nghìn lao động. Công nghiệp Đồng Nai đóng vai trò quyết định trong việc đẩy mạnh xuất khẩu của tỉnh, từ chỗ kim ngạch xuất khẩu chỉ đạt 100 triệu

USD năm 1995 đã lên tới 1,4 tỷ USD vào năm 2000 (tăng gấp 14 lần) và ước đạt 3,1 tỷ USD năm 2005.

Biểu 6. Giá trị sản xuất công nghiệp (giá cố định 1994)



*Chú thích: * ước tính*

Nguồn: Báo cáo Sở Công nghiệp Đồng Nai.

Điểm đáng chú ý là trong giai đoạn này đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh, đặc biệt ở các khu công nghiệp tập trung, đã tăng lên mạnh mẽ. Từ chỗ không có đầu tư nước ngoài trước năm 1990, thì đến năm 2004, toàn tỉnh có 600 giấy phép đầu tư nước ngoài còn hiệu lực với số vốn đăng ký trên 7 tỷ USD, trong đó 49% vốn đã triển khai thực hiện, cho thuê trên 2.089 ha, mặc dù có sự giảm sút trong giai đoạn khủng hoảng tài chính - tiền tệ khu vực trong những năm 1997-1998. Tỷ trọng công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong tổng giá trị toàn ngành tăng lên nhanh chóng, từ xấp xỉ 40% năm 1995 lên 63,54% năm 2004. Trong đó, 70% doanh nghiệp tham gia xuất khẩu, chiếm tỷ trọng đến 95% trong cơ cấu xuất khẩu của tỉnh. Đầu tư nước ngoài thực sự là nguồn lực quan trọng cho quá trình phát triển của tỉnh trong giai đoạn này và trong tương lai.

Sản xuất công nghiệp của tỉnh phát triển nhanh và toàn diện đã đưa Đồng Nai từ một tỉnh nông nghiệp chiếm tỷ trọng chủ yếu vào những năm

1990 thành tỉnh có công nghiệp là ngành kinh tế chủ yếu trong nền kinh tế với cơ cấu đến năm 2004 chiếm 57%. Sự phát triển với tốc độ cao của sản xuất công nghiệp trong thời kỳ đổi mới đã góp phần quan trọng đưa kinh tế của tỉnh tăng trưởng cao trong thời kỳ qua.

*** Các ngành công nghiệp mũi nhọn của Đồng Nai**

Thành tích phát triển công nghiệp của Đồng Nai trong suốt 30 năm qua đã cho thấy hướng đi đúng đắn trong xây dựng chiến lược phát triển của tỉnh cho toàn ngành cũng như trong từng ngành sản phẩm. Nhiều ngành nghề công nghiệp đã trở thành lực lượng mũi nhọn trong kinh tế nói chung và công nghiệp nói riêng của Đồng Nai. Đó chính là 6 ngành công nghiệp: *ngành chế biến nông sản, thực phẩm; ngành may mặc, giày da; ngành khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng; ngành cơ khí; ngành điện, điện tử; ngành hóa chất.*

**Bảng 2: Giá trị sản xuất công nghiệp theo ngành trên địa bàn tỉnh
(Theo giá cố định 1994)**

	Giá trị (tỷ đồng)				Tốc độ tăng bình quân (%)	
	2000	%	2004	%	1996-2003	2001-2003
Giá trị sản xuất toàn ngành	17.992	100	35.101,79	100	18,9	16,7
Chế biến nông sản	4190	23,3	8.327,50	23,7	15,0	19,7
Dệt may, giấy dếp	4178	23,2	7.402,70	21,1	31,0	16,1
Điện, điện tử	2686	14,9	4.092,30	11,7	19,8	6,8
Hóa chất, cao su, plastic	2155	12,0	4.387,60	12,5	22,7	13,6
Cơ khí	1385	7,7	3.742,70	10,7	22,0	24,5
Khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng	1209	6,7	3.310,50	9,4	15,8	22,4
Khác	-	12,2	-	10,9	-	-

Nguồn: Sở Công nghiệp và Cục Thống kê Đồng Nai.

Trong suốt 15 năm qua, những nhóm ngành này luôn chiếm đến 90% trong tổng giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp và luôn đạt mức tăng trưởng hai con số qua các năm. Những ngành này cũng đóng góp đến 95%

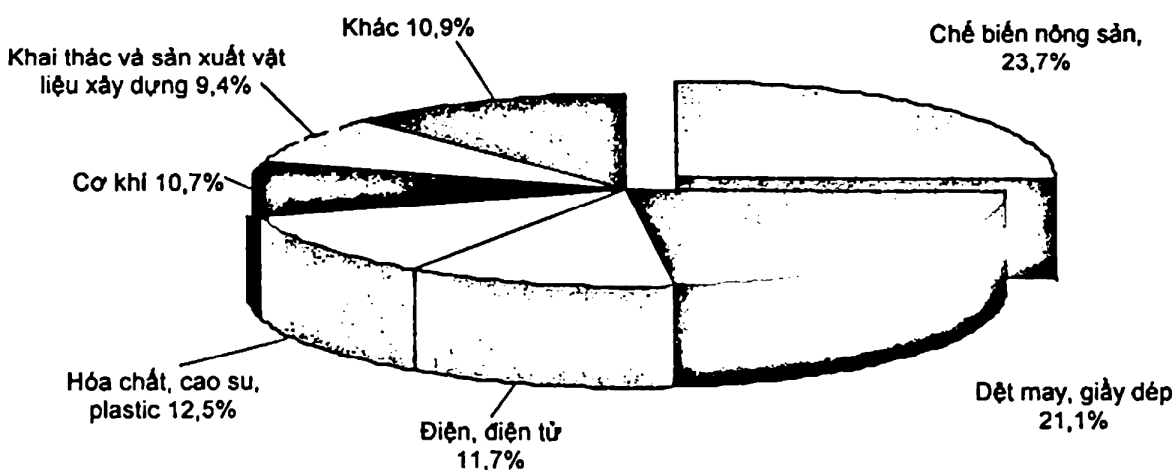
kim ngạch xuất khẩu hàng năm của tỉnh. Việc phân tích đánh giá chi tiết hơn đối với từng ngành sẽ giúp đưa ra những hướng đi tiếp trong giai đoạn mới để chúng tiếp tục là những ngành mũi nhọn trong thời gian tới, đặc biệt là trước những thời cơ và thách thức khi Hiệp định về Chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung cho Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (CEPT/AFTA) đang thực sự có tác động mạnh.

- Chế biến nông sản, thực phẩm

Ngành công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm đóng một vai trò hết sức quan trọng đối với sự phát triển kinh tế của tỉnh, tác động mạnh vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, tạo ra sự phát triển của ngành nông nghiệp thông qua sự đa dạng hóa sản phẩm và nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm nông nghiệp. Ngành công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm hiện là ngành chiếm tỷ trọng lớn nhất trong toàn ngành, năm 2004 là 23,7%, với tổng giá trị sản lượng đạt hơn 8.000 tỷ đồng, đồng thời cũng là ngành có tốc độ tăng trưởng khá cao, trung bình 15%/năm trong giai đoạn 1996-2003.

Biểu 7. Tỷ trọng giá trị một số ngành công nghiệp chủ yếu trong giá trị toàn ngành, 2004

(Giá cố định 1994)



Nguồn: Báo cáo của Cục Thống kê Đồng Nai, tháng 9-2005.

Các nông sản thực phẩm chế biến của Đồng Nai chủ yếu là: đường, bánh kẹo, bột ngọt, tinh bột, hạt điều nhân, thức ăn gia súc, nước giải khát, sữa, cà phê chế biến, thuốc lá... Trong đó rất nhiều sản phẩm chiếm tỷ trọng cao so với cả nước như bột ngọt (82,6% năm 2000), thức ăn gia súc (54,3%), đường, hạt điều nhân.

Thị trường tiêu thụ sản phẩm chủ yếu là thị trường trong nước, xuất khẩu chỉ chiếm 7,2% xuất khẩu toàn ngành, mặc dù chỉ đứng thứ tư, sau dệt may, điện tử và hóa chất nhưng hàng năm cũng đem lại hơn 100 triệu USD xuất khẩu. Năm 2003, các nông sản chế biến xuất khẩu đạt kim ngạch 130 triệu USD.

Xuất khẩu nông sản, thực phẩm chế biến chủ yếu là do các công ty có vốn đầu tư nước ngoài, chiếm tỷ trọng trên 70% toàn ngành. Sản phẩm xuất khẩu chủ yếu là bột ngọt, tinh bột, nước giải khát đóng hộp và thức ăn gia súc. Thị trường xuất khẩu bột ngọt chủ yếu là Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, Philíppin, Malaixia và châu Âu, trong đó riêng công ty Vedan đã chiếm tới 40%. Xuất khẩu hạt điều nhân đạt 20 triệu USD năm 2000.

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu của một số ngành công nghiệp, 2003

	Giá trị (1.000 USD)				Tốc độ tăng bình quân (%)	
	2000	%	2003	%	1996-03	2001-03
Giá trị xuất khẩu toàn ngành	1.415.638	100	1.855.269	100	43,7	9,4
Dệt may, giấy dếp	509.906	36,0	848.983	45,8	56,3	18,5
Điện, điện tử	661.814	46,8	502.652	27,1	56,9	-8,8
Hóa chất, cao su, plastic	60.848	4,3	158.354	8,5	90,2	37,5
Chế biến nông sản	95.011	6,7	133.605	7,2	13,7	12,0
Cơ khí	41.439	2,9	84.046	4,5	84,8	26,6
Khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng	14.059	1,0	37.101	2,0	29,3	38,2
Khác	-	2,3	-	4,9	-	-

Nguồn: Báo cáo của Sở Công nghiệp Đồng Nai.

Trình độ công nghệ của ngành là khá hiện đại so với nhiều ngành khác do được đầu tư tốt ở khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, so với chất lượng sản phẩm hiện nay thì công nghệ của ngành chế biến nông sản vẫn còn rất thấp so với khu vực, đa số là công nghệ chế biến thô (không phải chế biến tinh) và chất lượng chỉ ở mức trung bình. Trình độ lao động của ngành tương đối khá với gần 40% lao động có tay nghề.

Ngành chế biến nông sản thực phẩm có một tiềm năng to lớn là chủ yếu sử dụng nguồn nguyên vật liệu tại chỗ mà hầu hết là các sản phẩm nông nghiệp rất phong phú. Chính vì vậy sự phát triển của ngành này trong thời gian qua đã giúp hình thành nên những vùng chuyên canh, góp phần làm tăng quy mô, năng suất và hiệu quả sản xuất nông nghiệp của tỉnh. Đây cũng là ngành sử dụng vốn không nhiều, thời gian thu hồi vốn nhanh, sử dụng lao động không cần tay nghề cao là những thế mạnh của địa phương. Mặt khác, thị trường tiêu thụ sản phẩm trong nước rất rộng lớn đặc biệt là những sản phẩm như thức ăn gia súc, bột ngọt. Khả năng đa dạng hóa sản phẩm của ngành này cũng rất lớn. Tuy nhiên, hiệu quả sản xuất - kinh doanh tính chung cho cả nhóm này tương đối thấp, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chỉ đạt trung bình 4,1%. Nhiều sản phẩm xuất khẩu mới chỉ ở dạng chế biến thô như cà phê, điều nhân nên giá trị gia tăng không cao. Thiết bị máy móc và trình độ công nghệ chế biến hiện nay cũng chưa cao, nhiều doanh nghiệp chưa sử hết công suất máy móc. Một vấn đề hiện nay mà ngành này gặp phải là nguồn nguyên liệu tại chỗ chưa ổn định do nông dân chưa có sự đầu tư thỏa đáng. Hơn nữa, sản phẩm nông sản là nhóm sản phẩm phụ thuộc rất nhiều vào sự biến động giá cả trên thế giới nên rất cần có những dự báo chiến lược chính xác.

Ngành chế biến nông sản nếu khai thác hết thế mạnh của tỉnh về nguồn nguyên liệu và lao động sẽ có một tiềm năng to lớn trong việc đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu, đặc biệt là có thể tận dụng lịch trình giảm thuế của Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA) để phát triển những sản phẩm có lợi thế này. Chính vì vậy, việc mở rộng quy mô và đa dạng hóa sản phẩm của ngành này sẽ là hướng đi đúng đắn. Đồng thời các doanh nghiệp cần có sự đầu tư thỏa đáng nâng cấp trang thiết bị để nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo tăng sức cạnh tranh và mở

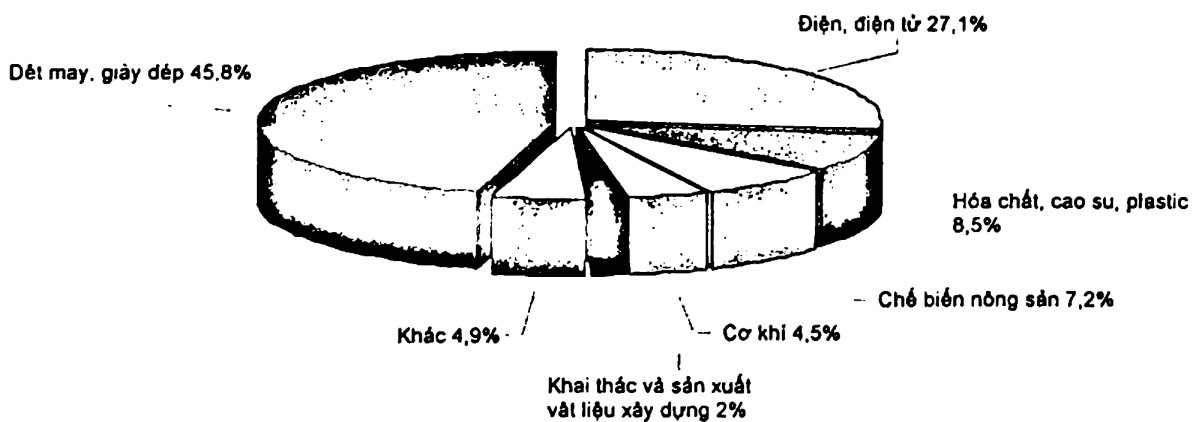
rộng thị trường trong nước cũng như xuất khẩu. Tỉnh cũng cần có biện pháp thích hợp để đầu tư vùng nguyên liệu cho nông dân và nâng cao chất lượng nguyên liệu.

- Ngành công nghiệp dệt may và giày dép

Đứng thứ hai về tỷ trọng trong giá trị sản xuất công nghiệp là ngành dệt may và giày dép, với tỷ trọng năm 2004 là 21,1%. Đây là ngành thu hút nhiều lao động nhất, hơn 50% lao động toàn ngành công nghiệp. Tốc độ tăng trưởng trung bình của ngành trong giai đoạn 1996-2003 là 31%/năm, là tốc độ tăng trưởng cao nhất so với tất cả các ngành công nghiệp khác. Kim ngạch xuất khẩu của ngành là cao nhất, năm 2003 đạt gần 850 triệu USD, chiếm tỷ trọng 45,8% xuất khẩu toàn ngành. Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu trong giai đoạn 1996-2003 là 56,3%/năm.

Đây cũng là lĩnh vực thu hút nhiều đầu tư nước ngoài, công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm tỷ trọng hơn 92%, công nghiệp trong nước chỉ chiếm chưa đến 8%. Kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm hơn 90% toàn ngành. Thị trường xuất khẩu sản phẩm may mặc giày dép chủ yếu là EU, Nhật Bản và Mỹ.

Biểu 8. Tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu một số ngành công nghiệp chủ yếu, 2003



Nguồn: Báo cáo của Sở Công nghiệp Đồng Nai.

Sản phẩm chủ yếu là quần áo may sẵn, giày dép các loại, khăn tắm, sợi vải, sợi polyester... Trong đó có sản phẩm chiếm tỷ trọng cao so với cả nước như sợi, chiếm tới 45,5%, vải 10,9%.

Ngành dệt may, giày dép là ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động tay nghề thấp, là lợi thế chủ yếu của ngành trong suốt thời gian qua. Hơn nữa, đây là ngành có nhiều vốn đầu tư nước ngoài nên trang thiết bị khá hiện đại, nhiều sản phẩm đạt chất lượng quốc tế và đã có uy tín trên thị trường thế giới như quần áo, giày dép. Tuy nhiên, sản phẩm của ngành chủ yếu được gia công, với nguyên phụ liệu nhập chiếm tới hơn 80% giá thành sản phẩm nên sản phẩm xuất khẩu đạt giá trị gia tăng không cao. Nhiều doanh nghiệp xuất khẩu còn chịu nhiều nấc trung gian chứ không phải xuất khẩu trực tiếp nên lợi nhuận càng thấp. Hơn nữa, sản phẩm của ngành chịu sự cạnh tranh rất mạnh trên thị trường quốc tế, đặc biệt là những sản phẩm từ Trung Quốc, Pakixtan, Bắngladét. Sự cạnh tranh này sẽ càng khốc liệt khi những thị trường lớn như Liên minh châu Âu (EU) và Mỹ xoá bỏ hạn ngạch nhập khẩu.

Tuy nhiên, ngành hàng dệt may vẫn có nhiều khả năng cạnh tranh trên trường quốc tế. Nhiều chủng loại hàng dệt may của Việt Nam xuất vào thị trường Mỹ được đánh giá rẻ hơn so với hàng của Trung Quốc - đối thủ cạnh tranh lớn nhất, và nếu giữ được mức độ cạnh tranh về giá này hàng của Việt Nam có thể cạnh tranh với các nước khác.

Do đó, ngành này vẫn sẽ tiếp tục là ngành mũi nhọn với những lợi thế so sánh hiện nay của mình. Thời gian tới các doanh nghiệp nên tiếp tục phát huy giữ vững và mở rộng thị trường cả trong nước lẫn xuất khẩu. Những biện pháp đảm bảo sự cạnh tranh của sản phẩm sẽ là khai thác sử dụng nguồn nguyên phụ liệu trong nước để hạn chế nhập khẩu, đầu tư nâng cấp trang thiết bị hiện đại để sản xuất những sản phẩm chất lượng cao. Các doanh nghiệp cũng cần tập trung nghiên cứu để có thể thực hiện nhiều khâu có giá trị gia tăng cao hơn nhiều so với chỉ gia công thuần túy (CMT) đó là thiết kế mẫu, tiếp thị, chuyển dần sang hướng sản xuất xuất khẩu trực tiếp (FOB) để giành lợi nhuận cao hơn.

- Ngành công nghiệp điện, điện tử

Ngành công nghiệp điện, điện tử là một ngành mới nhưng có tốc độ phát triển rất nhanh, đặc biệt là giai đoạn 1995-2000, trung bình gần 30%/năm. Tuy nhiên, tốc độ phát triển có chậm lại từ năm 2000 cho đến nay, tính trung bình cho giai đoạn 2001-2003, tốc độ phát triển chỉ đạt

6,8%/năm. Đây là là ngành chiếm tỷ trọng đứng thứ ba sau dệt may và chế biến nông sản, tỷ trọng so với toàn ngành năm 2004 là 11,7%. Ngành công nghiệp điện, điện tử là ngành có kim ngạch xuất khẩu cao, năm 2000 xuất khẩu của ngành chiếm tới 40% tổng kim ngạch xuất khẩu toàn ngành công nghiệp, năm 2003 giảm xuống chỉ còn 27%, đạt 500 triệu USD, nhưng vẫn đứng thứ hai về xuất khẩu sau ngành dệt may.

Một đặc điểm đáng chú ý với ngành điện điện tử của Đồng Nai là tập trung chủ yếu vào khu vực có vốn nước ngoài, chiếm 70% tỷ trọng toàn ngành, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xuất khẩu linh kiện điện tử, máy vi tính. Các doanh nghiệp trong nước chủ yếu là các doanh nghiệp trung ương sản xuất các loại thiết bị điện, vật liệu điện và viễn thông (dây cáp điện, máy biến thế, động cơ điện).

Đây là ngành mang tính công nghệ, kỹ thuật cao, gắn liền với trình độ khoa học - công nghệ hiện đại. Đa số các doanh nghiệp trong lĩnh vực này có trình độ công nghệ tiên tiến, đặc biệt là những dây chuyền lắp ráp của các công ty nước ngoài. Ngành cũng thu hút khá nhiều lao động có trình độ tay nghề.

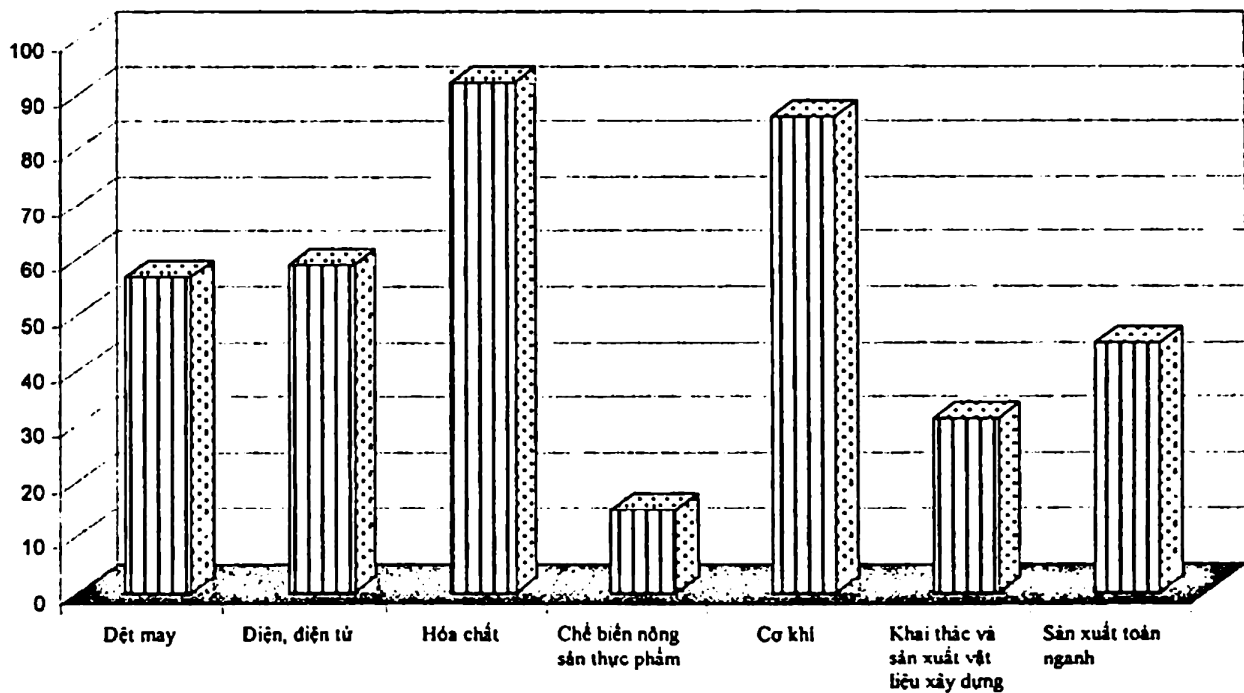
Hiện nay, ngành điện, điện tử có khá nhiều thế mạnh, trong đó phải kể đến giá nhân công thấp so với khu vực, nguồn nhân lực có khả năng tiếp thu nhanh công nghệ và kỹ thuật mới. Sản phẩm của ngành rất đa dạng phong phú nên có thị trường lớn ở cả trong nước và quốc tế. Hơn nữa, đây là ngành có trình độ khoa học - công nghệ cao nên việc tiếp thu chuyển giao công nghệ có tác dụng lan tỏa rất lớn. Tuy nhiên, ngành này cũng cần vốn đầu tư lớn cho những dây chuyền công nghệ hiện đại mà chỉ có các công ty nước ngoài mới đủ khả năng. Hiệu quả sản xuất - kinh doanh đạt mức khá so với các ngành khác, mức lợi nhuận trên vốn đạt khoảng 6,8%. Tuy nhiên, giá trị gia tăng trong sản phẩm của ngành này là không lớn do chủ yếu là gia công, lắp ráp. Sản phẩm của ngành cũng chịu áp lực cạnh tranh rất lớn ngay ở trong nước, đặc biệt là với những hàng hóa cùng loại từ các nước trong khu vực được hưởng thuế suất nhập khẩu thấp theo lịch trình cắt giảm thuế CEPT/AFTA. Chính vì vậy, các doanh nghiệp Đồng Nai trong thời gian tới nên khai thác triệt để thế mạnh hiện có đồng thời có chiến lược đầu tư, lựa chọn sản phẩm phù hợp với thị

trường trong nước, đảm bảo cho sự cạnh tranh lâu dài, tranh thủ nắm bắt công nghệ mới, từng bước chuyển từ hình thức gia công, lắp ráp sang sản xuất trực tiếp, sản xuất những sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao. Nhà nước cũng cần có những biện pháp hỗ trợ cho những doanh nghiệp sản xuất những sản phẩm công nghệ cao và phát triển công nghiệp phụ trợ cho ngành này nhằm tăng cường tỷ lệ nội địa hóa, nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm.

- Ngành công nghiệp hóa chất, cao su và nhựa

Tỷ trọng ngành công nghiệp hóa chất, cao su và nhựa chiếm khá cao trong tổng giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp, năm 2004 tỷ lệ này là 12,5%. Đây cũng là ngành có tốc độ tăng trưởng nhanh, tốc độ tăng trưởng bình quân tính cho cả giai đoạn 1996-2003 đạt 22,7%/năm.

Biểu 9. Tốc độ tăng xuất khẩu bình quân giai đoạn 1996-2003



Nguồn: Báo cáo của Sở Công nghiệp Đồng Nai.

Sản phẩm của ngành khá phong phú, đa dạng chủ yếu gồm bột giặt, phân hóa học, sơn các loại, săm lốp các loại, hạt nhựa, ống nhựa...

Sản phẩm của ngành được tiêu thụ chủ yếu ở thị trường nội địa. Mặc dù tỷ trọng xuất khẩu của ngành này không lớn, năm 2003 chiếm 8,5% nhưng lại là ngành có tốc độ tăng trưởng xuất khẩu nhanh nhất so với

xuất khẩu của tất cả các ngành công nghiệp khác trên địa bàn tỉnh, đạt 90%/năm tính chung cho cả giai đoạn 1996-2003. Sản phẩm xuất khẩu của ngành này đã đem lại 150 triệu USD vào năm 2003. Xuất khẩu chủ yếu là của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (chiếm đến 98%).

Mặc dù đây là một ngành non trẻ nhưng lại là ngành có công nghệ hiện đại. Ngành hiện nay đang được hưởng lợi nhờ sự gia nhập AFTA với thuế nhập khẩu nguyên liệu thấp. Mặt khác, ngành hóa chất của Đồng Nai còn có một tiềm năng lớn là nguồn đầu vào nguyên liệu rất lớn do ngành công nghiệp lọc dầu của Việt Nam đã bắt đầu phát triển mà những cơ sở lọc dầu này chủ yếu ở miền Nam. Các sản phẩm nhựa tiêu dùng của ngành có một thị trường trong nước rộng lớn và còn có khả năng xuất khẩu. Tuy nhiên, hiệu quả sản xuất của ngành hiện nay vẫn khá thấp, hầu hết nguyên liệu đều phải nhập. Sản phẩm của ngành cũng chịu sự cạnh tranh mạnh từ các sản phẩm cùng loại của Thái Lan, Trung Quốc. Một khâu trọng yếu đối với các sản phẩm nhựa của các doanh nghiệp Đồng Nai là chế tạo khuôn mẫu vẫn chưa được thực hiện ở trong nước. Chiến lược phát triển của ngành trong thời gian tới sẽ là tận dụng thời cơ sử dụng nguồn nguyên liệu thay thế trong nước vô cùng dồi dào, đa dạng hóa sản phẩm, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng ở trong nước. Tuy nhiên, cần lưu ý đây là ngành độc hại, gây ô nhiễm môi trường nên việc lựa chọn công nghệ và xử lý chất thải là hết sức quan trọng.

- Ngành công nghiệp cơ khí

Đây là ngành có tốc độ phát triển khá nhanh. Giai đoạn 1996-2003, ngành cơ khí của tỉnh đạt tốc độ trung bình 22%/năm, cao hơn một chút so với tốc độ tăng của toàn ngành (18,9%). Đến năm 2004 tổng giá trị sản xuất của ngành cơ khí đạt 3.742,7 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 10,7% của toàn ngành. Mặc dù chiếm tỷ trọng không cao nhưng lại là ngành có tốc độ tăng trưởng nhanh hơn trong những năm gần đây, đạt tốc độ bình quân 24% năm trong giai đoạn 2001-2003 so với 20% năm tính cho cả giai đoạn 1996-2000. Điều này cho thấy tiềm năng phát triển của ngành này.

Đây là ngành có vị trí rất quan trọng vì được coi là hạ tầng cơ sở của nền công nghiệp, sản xuất ra máy móc thiết bị phục vụ cho các ngành công

nghiệp khác cũng như nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội. Sự phát triển của ngành công nghiệp phụ trợ sẽ tùy thuộc rất nhiều vào sự phát triển của ngành này. Hoạt động của ngành hiện nay trên địa bàn tỉnh chủ yếu tập trung vào công nghiệp cơ khí phục vụ nông nghiệp; công nghiệp cơ khí ô tô, xe máy; công nghiệp cơ khí gia công, chế tạo sửa chữa máy móc thiết bị và cấu kiện trang thiết bị; công nghiệp cơ khí chế tạo và sửa chữa máy móc thiết bị phục vụ tiêu dùng.

Các sản phẩm chủ yếu hiện nay được sản xuất trên địa bàn gồm thép các loại, máy nổ diezen, máy xay xát, máy bơm nước nông nghiệp, quạt điện và lắp ráp xe máy. Mặc dù sản phẩm của ngành được tiêu thụ chủ yếu ở thị trường trong nước nhưng ngành cơ khí cũng có tiềm năng xuất khẩu rất lớn nếu xét theo tốc độ tăng trưởng xuất khẩu trong những năm qua, đạt tốc độ trung bình gần 85%/năm tính cho cả giai đoạn 1996-2003. Kim ngạch xuất khẩu đạt gần 84 triệu USD trong năm 2003.

Ngành cơ khí của Đồng Nai cũng có tiềm năng lớn, nhất là thu hút đầu tư của khu vực ngoài quốc doanh với tính năng động cao và nếu được phát triển tốt sẽ là khâu đột phá trong việc phát huy nội lực. Đặc biệt là nhu cầu trong nước rất cao trong khi sản xuất trong nước mới chỉ đáp ứng được khoảng 10% nhu cầu. Đồng Nai còn là nơi gần với nhiều trường đại học kỹ thuật, viện nghiên cứu nên khả năng liên kết nghiên cứu triển khai và ứng dụng là rất lớn. Tuy nhiên, trình độ công nghệ của ngành cơ khí Đồng Nai mới chỉ đạt mức trung bình, nhiều doanh nghiệp thậm chí còn lạc hậu về công nghệ nhất là doanh nghiệp địa phương. Quy mô đầu tư của các doanh nghiệp vẫn còn nhỏ, trình độ quản lý còn hạn chế, thiếu lao động có trình độ tay nghề cao, chất lượng sản phẩm còn thấp, chủng loại chưa phong phú.

Để ngành cơ khí tiếp tục duy trì tốc độ phát triển nhanh trong thời gian tới rất cần có sự đầu tư thỏa đáng để mở rộng sản xuất, nâng cấp trang thiết bị. Ngành cơ khí Đồng Nai cần phát huy thế mạnh hiện có tận dụng thời cơ nắm bắt những cơ hội về nhu cầu tăng tỷ lệ nội địa hóa của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang sản xuất trong nước. Đi đôi với đầu tư nâng cấp máy móc là chiến lược đào tạo tay nghề cho đội ngũ công nhân và đội ngũ quản lý. Công tác liên kết nghiên cứu triển khai

với các trường đại học cũng cần tăng cường để đảm bảo chỗ đứng ngày càng vững của ngành công nghiệp có tiềm năng to lớn này. Nhà nước rất cần có những biện pháp khuyến khích phát triển ngành này để phát huy nội lực.

- Ngành khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng

Đây là ngành có tiềm năng của tỉnh với tốc độ tăng trưởng khá, năm sau cao hơn năm trước. Tốc độ tăng trưởng đạt 12%/năm trong cả giai đoạn 1996-2000. Giá trị sản xuất của ngành đạt hơn 3 nghìn tỷ đồng vào năm 2004, chiếm tỷ trọng 9,4% so với toàn ngành.

Điểm nổi bật là ngành này có tỷ lệ doanh nghiệp trong nước cao, 85%. Các sản phẩm chủ yếu gồm gạch ngói, gạch men, sứ vệ sinh, đá ốp lát, gốm mỹ nghệ. Nhiều sản phẩm có khả năng cạnh tranh cao trên thị trường trong và ngoài nước như gạch xây dựng, gốm mỹ nghệ.

Đồng Nai là tỉnh có nhiều tài nguyên khoáng sản phong phú làm vật liệu xây dựng như đá, cát, sét caolanh. Các doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng có công nghệ khá hiện đại, đạt hiệu quả sản xuất cao. Sản phẩm vật liệu xây dựng có thị trường trong nước lớn và ngày càng tăng cùng với sự phát triển kinh tế của đất nước. Tuy nhiên, ngành vẫn chưa phát huy hết thế mạnh của mình, chủ yếu là khai thác thô, chưa nghiên cứu sản phẩm mới. Nhiều cơ sở sản xuất còn lạc hậu về thiết bị, lao động trình độ thấp, chủ yếu là làm thủ công. Sự đầu tư đổi mới trang thiết bị và khai thác tốt nguồn tài nguyên phong phú trên địa bàn sẽ tạo tiềm năng phát triển to lớn cho ngành này. Tuy nhiên, tỉnh cũng cần có chiến lược phát triển đúng đắn đối với ngành trong đó có cân nhắc đến nguy cơ khai thác cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên, ảnh hưởng đến môi trường sinh thái trong tương lai.

** Xây dựng*

Trong thời gian 30 năm qua, ngành xây dựng Đồng Nai cũng không ngừng phát triển, lớn mạnh, ngày càng thể hiện rõ vai trò và đóng góp của mình vào sự phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh. Về định lượng, những đóng góp của ngành vào sự phát triển kinh tế của tỉnh đã được tính đến trong sự đóng góp chung của cả khu vực công nghiệp - xây dựng, phần này sẽ tập trung đánh giá quá trình phát triển của ngành trong 30

năm qua trên các mặt quy hoạch, quản lý phát triển đô thị (bao gồm cả khu công nghiệp, khu dân cư nông thôn) và công tác hạ tầng kỹ thuật đô thị, vệ sinh môi trường.

- *Thành tựu của ngành xây dựng trong 30 năm qua*

+ Giai đoạn trước đổi mới 1975-1985:

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng (1975), công tác quy hoạch và phát triển đô thị ở Đồng Nai đã được chú trọng và thu được những kết quả nhất định, đặc biệt là việc xây dựng quy hoạch phân vùng kinh tế trên địa bàn tỉnh, mà đến nay vẫn là cơ sở để xây dựng quy hoạch phát triển của tỉnh mang tính chiến lược dài hạn hơn. Đồng thời, trong giai đoạn này, quy hoạch phác thảo tổng thể ban đầu của thành phố Biên Hòa và những trung tâm thị trấn của các huyện lỵ cũng đã được xác lập. Tuy nhiên, những đồ án này mang nặng tính chất của thời kỳ quan liêu bao cấp, duy ý chí nên đến nay không còn phù hợp nữa.

Mặc dù vậy, ngành xây dựng Đồng Nai trong 10 năm này đã đạt được kết quả đáng kể. Năng lực quy hoạch xây dựng và khảo sát thiết kế của ngành đã được thiết lập, tập trung chủ yếu vào việc duy tu, sửa chữa và cải tạo các công trình xây dựng và công trình nhà ở.

Các cơ sở sản xuất của ngành xây dựng trong thời kỳ này được Nhà nước tập trung quản lý thống nhất. Hầu hết các loại vật liệu xây dựng chủ yếu đã được sản xuất tại địa phương, đáp ứng nhu cầu được nhu cầu xây dựng trong giai đoạn này. Riêng trong lĩnh vực xây lắp, các xí nghiệp và công ty quốc doanh đã đảm đương tới 2/3 vốn đầu tư xây dựng cơ bản của tỉnh về xây dựng dân dụng công nghiệp.

Tuy nhiên, những kết quả đạt được trong thời gian này chủ yếu được thực hiện theo chỉ tiêu của thời kỳ kế hoạch hóa tập trung nên chưa tạo động lực phát triển thực sự của ngành xây dựng. Nhiều yếu kém trong quản lý cũng như trong sản xuất đã bộc lộ, kìm hãm đà tăng trưởng kinh tế của ngành nói riêng và nền kinh tế nói chung.

+ Giai đoạn từ đổi mới đến nay:

Tính đến nay, ngành xây dựng Đồng Nai đã hoàn thành quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và ngành có định hướng đến

năm 2010 và 2020, quy hoạch tổng thể hệ thống phát triển đô thị và khu dân cư nông thôn, định hướng phát triển cấp thoát nước đô thị và vệ sinh môi trường đến năm 2020. Từ 1990 đến 2004, Đồng Nai đã dành ngân sách khoảng 30 tỷ đồng cho công tác quy hoạch xây dựng đô thị. Đến 2004, cơ bản đã hoàn thành quy hoạch chung các đô thị gồm: thành phố Biên Hòa (đô thị loại 2), thị xã Long Khánh (đô thị loại 3), và 7 trung tâm thị trấn của 7 huyện (đô thị loại 5). Tỉnh cũng đang triển khai lập quy hoạch tổng thể cho thành phố Nhơn Trạch mới (triển vọng sẽ là đô thị loại 1); quy hoạch chung cho 2 huyện mới là Cẩm Mỹ và Thống Nhất; quy hoạch các tuyến giao thông đường bộ như đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây, Dầu Giây - Đà Lạt, Biên Hòa - Bà Rịa - Vũng Tàu, các đường vành đai nối kết các tỉnh, thành lân cận với Đồng Nai...; các tuyến đường sắt Biên Hòa - Bà Rịa-Vũng Tàu, tuyến nhánh ga Long An đến khu công nghiệp Ông Kèo, Trảng Bom - Long Bình - Thành phố Hồ Chí Minh, tuyến đường sắt trên cao Biên Hòa - Dĩ An, tuyến vành đai sông Cái (Biên Hòa), tuyến đường sắt nhanh đường 25B - sân bay quốc tế Long Thành...; sân bay quốc tế Long Thành; hệ thống cụm cảng nhóm V... Đó là những công trình có vai trò hết sức quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của Đồng Nai trong tương lai. Song song với việc xây dựng quy hoạch khu đô thị, Đồng Nai cũng đã hoàn tất quy hoạch phát triển khu công nghiệp tập trung và các cụm công nghiệp mang tính chiến lược dài hạn

Trong công tác quản lý đô thị, nội dung các đề án quy hoạch đã được phê duyệt theo quy định hiện hành đều được công khai hóa. Hệ thống thông tin lưu trữ quy hoạch cũng được triển khai theo hướng hiện đại nhằm trao đổi và xử lý hiệu quả các thông tin về các đề án quy hoạch được duyệt. Các đề án đều được thẩm định chặt chẽ. Công tác hướng dẫn cấp phép xây dựng cũng được quản lý tốt và cải tiến nhiều bước thủ tục, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

Hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản trong thời gian từ đổi mới đến nay đã có bước tiến mạnh, huy động được nhiều nguồn vốn từ nhiều thành phần kinh tế, kể cả vốn nước ngoài. Trong 15 năm tính đến 2003, tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản ở Đồng Nai là hơn 65 nghìn tỷ đồng, gấp 442 lần so với

cả giai đoạn 1976-1986, trong đó vốn nước ngoài là 42 nghìn tỷ đồng.

Nhiều khu đô thị mới đã dần thay thế các khu nhà cũ xuống cấp, chất lượng nhà ở đã được nâng lên nhiều lần. Đến cuối 2003, quỹ nhà ở đã đạt 25,24 triệu m², gấp 8 lần mức của năm 1985, đạt bình quân gần 12 m²/người, vượt mức chỉ tiêu Nghị quyết của Đảng bộ tỉnh đề ra là 10m²/người. Các khu đô thị được xây dựng đồng bộ với kết cấu hạ tầng kỹ thuật, bảo đảm vệ sinh môi trường. Với mục tiêu đạt tỷ lệ đô thị hóa 50% đến năm 2010, tỉnh đã có chiến lược phát triển nhà ở từ nay đến năm 2010 và 2020.

Trong hơn 10 năm qua (1993-2004), bằng những chủ trương đúng đắn và giải pháp tích cực của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và các ngành chức năng trong việc huy động vốn tập trung phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, hệ thống cung cấp nước sạch đã có những bước phát triển mạnh. Công suất toàn bộ hệ thống cung cấp nước cho sinh hoạt và sản xuất ở đô thị năm 1993 mới đạt 36.000 m³/ngày thì đến năm 2004 con số này đã là 240.000 m³/ngày, tăng gấp gần 7 lần. Đến nay tỷ lệ hộ dùng nước hợp vệ sinh trên địa bàn tỉnh đạt 85%. Các dự án cấp nước đưa vào hoạt động trong thời gian qua đã giúp cải thiện chất lượng đời sống của nhân dân, hạn chế bệnh tật, nâng cao sức khỏe, tạo điều kiện tốt cho sản xuất - kinh doanh.

Vấn đề quy hoạch xử lý nước thải ở các khu công nghiệp cũng rất được quan tâm, hiện nay Tỉnh đang tích cực triển khai hệ thống xử lý nước thải tập trung ở các khu công nghiệp trước khi thải ra môi trường sống nhằm đảm bảo phát triển bền vững.

- Những hạn chế và nguyên nhân trong ngành xây dựng

Trong thời gian qua, mặc dù đã đạt được nhiều kết quả trong phát triển đô thị và xây dựng kết cấu hạ tầng nhưng hiện nay ngành xây dựng vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục:

+ Về công tác quy hoạch

Công tác quy hoạch phát triển đô thị và chỉnh trang đô thị vẫn chưa có tầm nhìn dài hạn, chưa đáp ứng được những đòi hỏi của sự phát triển theo hướng hiện đại, nhất là chưa chú ý đúng mức đến mỹ quan kiến trúc đô thị và yếu tố môi trường.

Công tác khảo sát xây dựng và quy hoạch chi tiết trong các đô thị vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý và phát triển đô thị, chất lượng các đồ án quy hoạch xây dựng còn thiếu sự tham gia của cộng đồng.

Việc đầu tư kết cấu hạ tầng còn nhiều bất cập, nhất là hệ thống giao thông chưa gắn kết với quan điểm phát triển đô thị.

Quy hoạch phát triển nông thôn chưa được nhận thức đầy đủ và thiếu kinh nghiệm tổ chức, triển khai.

+ Về công tác quản lý xây dựng cơ bản và xây dựng nhà ở

Nhiều cơ chế chính sách ban hành chưa kịp thời, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển. Nhiều thủ tục về xây dựng cơ bản thường xuyên thay đổi, gây khó khăn cho việc triển khai thực hiện của các chủ đầu tư.

Việc đền bù giải phóng mặt bằng còn chậm do chưa có cơ chế phối hợp đồng bộ giữa các ban ngành. Bộ máy quản lý đô thị còn thiếu và yếu, chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ban, ngành chức năng và chính quyền địa phương, thiếu các giải pháp đồng bộ xử lý nghiêm minh và kịp thời các sai phạm trong quản lý trật tự xây dựng đô thị.

Huy động vốn cho đầu tư phát triển còn thấp, chưa phát huy hết tiềm năng hiện có.

Công tác thanh tra, kiểm tra quản lý xây dựng còn yếu dẫn đến chất lượng công trình chưa cao. Tình trạng xây dựng, cải tạo cơ sở trái phép vẫn còn phổ biến ở đô thị và những tuyến giao thông quan trọng, làm ảnh hưởng xấu tới cảnh quan đô thị và an toàn giao thông.

Quỹ nhà ở vẫn còn chưa đáp ứng được nhu cầu của nhân dân, đặc biệt là nhà ở phục vụ công nhân ở các khu công nghiệp, nhà ở cho công tác tái định cư phục vụ đền bù giải tỏa do thiếu vốn đầu tư và chưa có những biện pháp khuyến khích huy động vốn từ các nhà đầu tư.

+ Về công tác xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị

Hệ thống giao thông nội đô chưa được quy hoạch và xây dựng theo hướng hiện đại, vừa đảm bảo an toàn giao thông vừa bảo đảm cảnh quan đô thị, đồng bộ với hệ thống thoát nước cũng như các công trình ngầm.

Đầu tư cho nguồn cung cấp nước và mạng phân phối nước sạch còn chậm và chưa thỏa đáng, chưa đáp ứng kịp nhu cầu sử dụng vào mục đích sinh hoạt và sản xuất trên toàn địa bàn.

Tại một số nơi, kể cả một số thị trấn của huyện, tỷ lệ dân cư được sử dụng nước sạch còn thấp (có nơi chưa đến 30%), do dân cư sống rải rác trên diện rộng gây khó khăn cho công tác phát triển hệ thống cung cấp nước.

Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn Đồng Nai hiện nay chưa được đầu tư thỏa đáng đáp ứng kịp với tốc độ phát triển đô thị diễn ra nhanh chóng: Hệ thống thoát nước chưa được xây dựng đồng bộ, đặc biệt là ở các khu đô thị tập trung đông dân cư. Ở nhiều nơi như Biên Hòa, Long Khánh..., hệ thống thoát nước được xây dựng từ lâu, đã xuống cấp, song lại không được duy tu, cải tạo kịp thời. Tại hầu hết các huyện chỉ có hệ thống thoát nước mưa theo địa hình tự nhiên. Tình hình trên dẫn đến tình trạng hệ thống thoát nước bị quá tải, nhiều khi gây ngập úng, làm ảnh hưởng xấu đến môi trường sống của nhân dân trong vùng.

Nguồn vốn đầu tư cho các công trình hạ tầng kỹ thuật còn thiếu và chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển.

b. Nông nghiệp, nông thôn

**** Thời kỳ trước đổi mới***

Những ngày đầu mới giải phóng, nông nghiệp là ngành kinh tế chủ lực của tỉnh, chiếm đến trên 70% GDP, song là ngành rất yếu kém, ruộng đất hoang hóa nhiều, tập quán canh tác thủ công lạc hậu, phần lớn gieo trồng một vụ và có năng suất thấp. Thời kỳ 1976-1980, thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp, Đồng Nai đã đẩy mạnh phong trào hợp tác hoá, đưa nông dân vào làm ăn tập thể. Giai đoạn này được đánh dấu bằng việc xây dựng các hợp tác xã, các nông trường quốc doanh và các trại chăn nuôi, các công trình thủy lợi nhỏ, máy móc đã được sử dụng trong nông nghiệp, mặc dù mới chỉ ở mức độ nhỏ. Thành tựu lớn nhất trong thời kỳ này là việc đẩy mạnh công tác khai hoang, phục hóa nhằm tăng nhanh diện tích và sản lượng cây trồng: Đến năm 1985, diện tích canh tác đã được mở rộng nhiều lần, tăng hơn 100 nghìn ha; giá trị sản xuất nông nghiệp của tỉnh đã tăng 2,4 lần so với năm 1976 với sản lượng quy thóc đạt gần 300.000 tấn; lương thực quy thóc bình quân đầu người từ mức 142 kg/người năm 1976 đã tăng lên 212 kg/người. Nhờ đó, Đồng Nai từ một tỉnh thiếu lương

thực đến những năm đầu thập kỷ 1980 đã có thặng dư và đóng góp cho Nhà nước mỗi năm hàng chục nghìn tấn lương thực.

Cơ cấu cây trồng trong thời gian này đã bước đầu được xác lập ổn định, phá thế độc canh lâu đời của người dân địa phương. Đồng thời với việc mở rộng diện tích trồng cây lương thực, nhiều loại cây công nghiệp lâu năm cũng bắt đầu được chú ý phát triển, tận dụng lợi thế về điều kiện khí hậu và thổ nhưỡng của Đồng Nai. Những cây công nghiệp lâu năm như cao su, cà phê, cây ăn quả đều có sự tăng trưởng vượt bậc so với ngày mới giải phóng. Diện tích trồng cao su năm 1985 tăng gấp 2,1 lần năm 1976, cà phê tăng gấp 5 lần. Thu hoạch cây công nghiệp thời kỳ này đã không những đáp ứng nhu cầu về nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến tại địa phương mà nhiều sản phẩm như đậu nành, thuốc lá, rau quả còn được giao nộp cho Trung ương.

** Thời kỳ sau đổi mới đến nay*

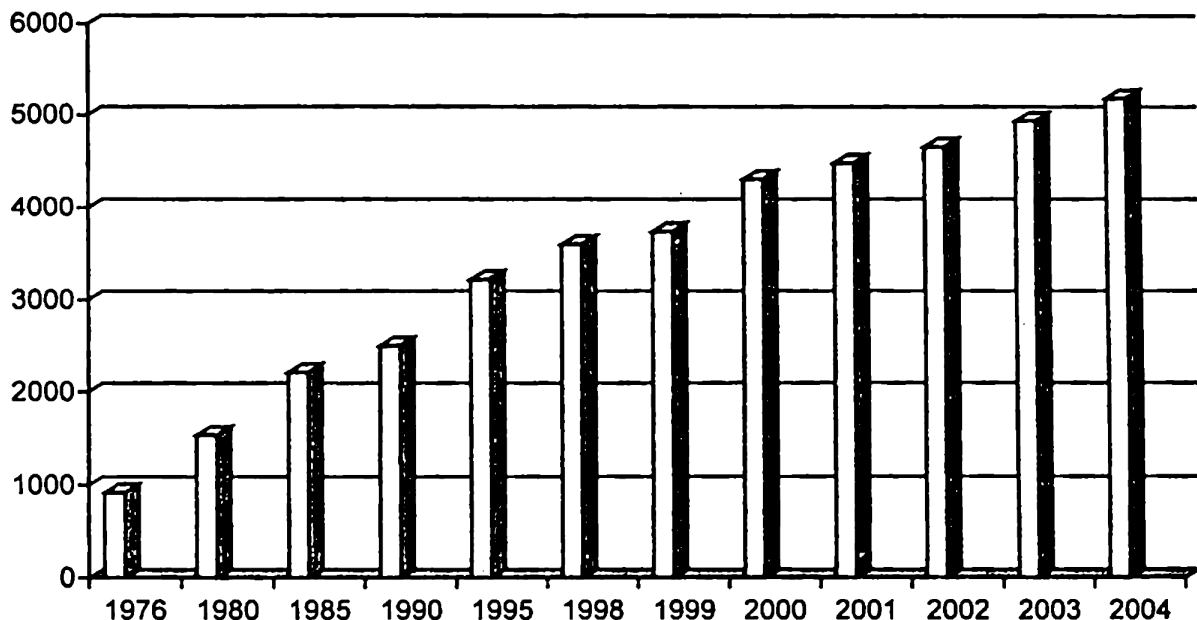
Công cuộc đổi mới do Đảng và Nhà nước thực hiện năm 1986 đã thực sự làm thay đổi bộ mặt nông nghiệp Đồng Nai với chủ trương khuyến khích hộ nông dân phát triển sản xuất hàng hoá. Sự phát triển của nông nghiệp Đồng Nai trong 20 năm qua đã đạt được những thành tựu nổi bật, đặc biệt là nhờ chủ trương đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Thị trường nông sản phát triển cũng tạo điều kiện để người nông dân đầu tư vốn và máy móc vào sản xuất nông nghiệp, mở rộng thêm diện tích canh tác và tăng mùa vụ. Giá trị sản xuất nông nghiệp đều tăng qua các năm, tính đến năm 2005 ước đạt gần 6.000 tỷ đồng, gấp hơn 2 lần so với năm 1985 (theo giá cố định 1994). Tính riêng cho 5 năm gần đây, từ 2001 đến 2005, ngành nông nghiệp đạt mức tăng trưởng bình quân là 5,57%/năm.

Cơ cấu cây trồng đã chuyển dịch theo hướng phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng và khí hậu địa phương. Diện tích trồng cây thu hoạch hàng năm hiệu quả thấp đã được thu hẹp lại và thay thế dần bằng cây công nghiệp có hiệu quả kinh tế cao hơn, tập trung vào trồng nhiều loại cây công nghiệp có giá trị hàng hóa cao như cà phê, ngô, đậu nành, mía, thuốc lá, cao su, tiêu, điều. Những loại cây trồng này đến nay đã trở thành những sản phẩm nông nghiệp chủ lực của Đồng Nai, tạo ra khối lượng sản phẩm hàng hóa lớn trong tỷ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp. Chính

nhờ có sự chuyển dịch cơ cấu cây trồng này đã hình thành nên những vùng chuyên canh nông sản, tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư chiều sâu, tăng nhanh năng suất cây trồng.

Biểu 10. Giá trị sản xuất nông nghiệp qua các năm, giá cố định 1994

Đơn vị tính: tỷ đồng

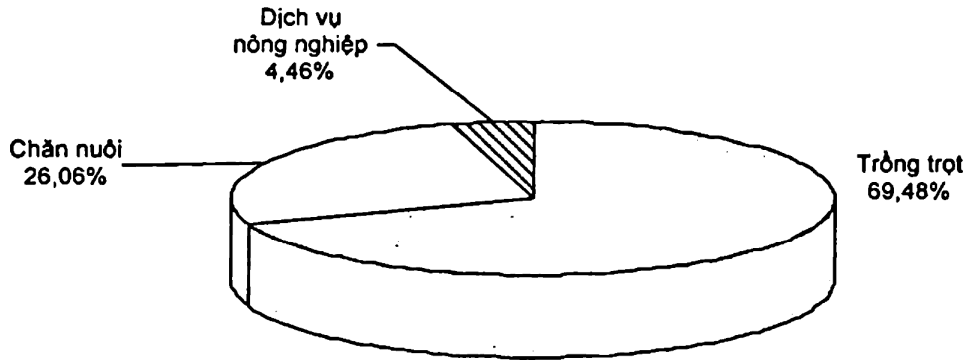


Nguồn: Số liệu Cục Thống kê Đồng Nai.

Chủ trương đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn đã thúc đẩy phát triển ngành chế biến nông sản. Đến nay Đồng Nai đã hình thành và phát triển được một hệ thống cơ sở chế biến nông sản với công suất, máy móc, trang thiết bị khá hiện đại, hàng năm tiêu thụ phần lớn các loại nông sản tại địa phương. Nhiều nông sản đã được chế biến làm tăng thêm giá trị như ngô, mì (sắn), đậu nành, bông. Sự phát triển của ngành chế biến nông sản không những làm tăng giá trị gia tăng của sản phẩm nông nghiệp mà còn khuyến khích nông dân đầu tư mở rộng sản xuất.

Ngành chế biến thức ăn gia súc phát triển kết hợp với đầu tư cải tạo giống mới cũng góp phần đẩy mạnh chăn nuôi. Tỷ trọng chăn nuôi trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp đã tăng từ 11% năm 1985 lên 23% năm 2000, và năm 2004 là hơn 26%, chủ yếu là chăn nuôi bò, heo, gà theo phương thức sản xuất công nghiệp tập trung cho năng suất cao. Giá trị sản lượng của ngành chăn nuôi năm 2004 đạt xấp xỉ 1.354 tỷ đồng.

**Biểu 11. Tỷ trọng ngành trồng trọt và chăn nuôi
trong giá trị sản xuất nông nghiệp, năm 2004**



Nguồn: Báo cáo của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Đồng Nai, 2004.

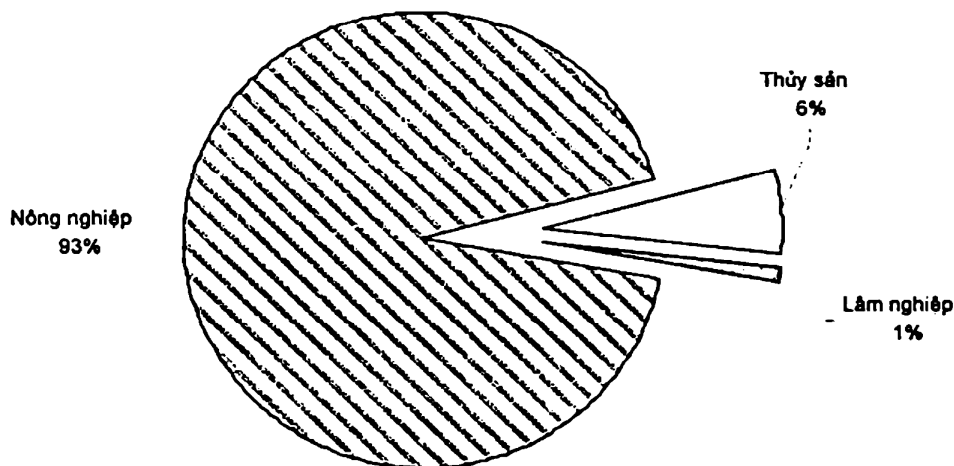
Sự phát triển của lĩnh vực dịch vụ phục vụ nông nghiệp trong thời gian gần đây là một bước tiến quan trọng, thúc đẩy sự phát triển của ngành nông nghiệp nói chung. Dưới sự chỉ đạo của Tỉnh, được sự phối hợp của các tổ chức đoàn thể, và đặc biệt là nhờ phát huy vai trò của các hợp tác xã kiểu mới, công tác khuyến nông đã được đẩy mạnh, thực hiện tốt chuyển giao kỹ thuật trồng chọt, chăn nuôi cho bà con nông dân. Nhiều tiến bộ khoa học - kỹ thuật đã được ứng dụng vào sản xuất nông nghiệp. Đây là nguyên nhân chính làm tăng hiệu quả sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua, tạo bước đột phá trong năng suất cây trồng, vật nuôi. Giá trị sản xuất của các loại dịch vụ phục vụ nông nghiệp đạt 225,3 tỷ đồng năm 2004.

Đồng thời với việc chú trọng phát triển lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, ngành thủy sản cũng đạt được nhiều thành công đáng kể, mặc dù Đồng Nai không hẳn có lợi thế về nuôi trồng thủy sản. Đến nay, ngành thủy sản đã đóng góp phần không nhỏ vào tổng giá trị sản phẩm của tỉnh, năm 2004 đạt hơn 400 tỷ đồng, chiếm 7,7% trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp, tạo thu nhập cho hàng chục nghìn nông dân trong vùng. Những sản phẩm thủy sản chủ yếu là cá và tôm nuôi, những sản phẩm này không chỉ đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước mà còn tham gia xuất khẩu.

Sự phát triển của ngành nông nghiệp, cùng với những chủ trương phát triển nông thôn đã tạo ra bộ mặt mới cho nông nghiệp và nông thôn

Đồng Nai. Ở khu vực nông thôn đã hình thành nhiều trung tâm, thị trấn mới với kết cấu hạ tầng khá hoàn thiện, làm giảm dần sự cách biệt giữa

Biểu 12. Cơ cấu sản xuất nông - lâm - thủy sản của tỉnh Đồng Nai 2004



Nguồn: Báo cáo của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Đồng Nai, 2004.

thành thị và nông thôn. Thu nhập bình quân của người nông dân đã tăng lên đáng kể, đến nay đã đạt 550 nghìn đồng/người/tháng, gấp 60 lần so với năm 1985 (chưa tính trượt giá). Kết cấu hạ tầng nông thôn cũng được đầu tư phát triển đáng kể, đến nay 100% số xã có đường giao thông đến tận trung tâm xã, 100% xã có điện thoại liên lạc, 100% số xã có trường phổ thông cơ sở, có trạm y tế và có bác sĩ phục vụ. Hầu hết người dân nông thôn đã được dùng nước hợp vệ sinh. Sức khỏe và trình độ người dân nông thôn Đồng Nai đã được nâng lên đáng kể.

*** Một số lĩnh vực nông nghiệp chủ yếu của Đồng Nai**

- Cây trồng

Những loại cây trồng chủ yếu ở Đồng Nai gồm:

+ *Lúa*. Diện tích trồng lúa trên địa bàn toàn tỉnh là hơn 80 nghìn ha, cho sản lượng gần 300 nghìn tấn năm 2004, với năng suất trung bình 3,7 tấn/ha. Diện tích trồng lúa có xu hướng giảm đi chút ít trong những năm gần đây do dành diện tích cho những cây trồng khác và cho quy hoạch khu công nghiệp trên địa bàn. Tuy nhiên, sản lượng và năng suất lúa vẫn bảo đảm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong tỉnh, trong nước và xuất khẩu.

+ *Bắp (ngô)*. Diện tích 65,5 nghìn ha, được trồng chủ yếu tại các

huyện Xuân Lộc, Tân Phú, Định Quán, Trảng Bom, Cẩm Mỹ. Sản lượng bắp năm 2004 đạt hơn 256,3 nghìn tấn, năng suất 4,0 tấn/ha. Bắp là sản phẩm có giá trị cho ngành chế biến thức ăn gia súc trên địa bàn.

+ *Cà phê*. Diện tích trồng cà phê trên toàn tỉnh đến 2004 là 22.471 ha, được trồng chủ yếu tại thị xã Long Khánh, các huyện Xuân Lộc, Định Quán, Thống Nhất, Trảng Bom với sản lượng là 27.5 nghìn tấn/năm. Năng suất cà phê hiện nay đạt 12,64 tạ/ha. Tuy nhiên, giống cà phê được trồng chủ yếu ở Đồng Nai là cà phê Arabica có chất lượng tương đối thấp, mặc dù cho sản lượng cao do phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng ở đây. Tuy nhiên, giá cà phê trên thị trường thế giới trong mấy năm vừa qua giảm liên tục, gây thiệt hại cho người nông dân. Điều này khiến cho diện tích trồng cà phê bị thu hẹp lại trong những năm qua. Mặc dù vậy, trồng cà phê vẫn hứa hẹn đem lại thu nhập tốt cho người nông dân trong thời gian tới nếu có những công nghệ chế biến và bảo quản tốt. Một trong những giải pháp dài hạn hơn là nghiên cứu chuyển sang trồng cà phê Robusta có chất lượng cao hơn và thị trường ổn định hơn, đem lại thu nhập lớn hơn.

+ *Điều*. Tổng diện tích trồng điều là 44 nghìn ha, sản lượng năm 2004 là 41,6 nghìn tấn. Cây điều ở Đồng Nai được trồng chủ yếu ở các huyện Xuân Lộc, Long Thành, Định Quán, Trảng Bom, Cẩm Mỹ. Hạt điều nhân là nông sản xuất khẩu có giá trị lớn. Sản lượng xuất khẩu tăng từ 2.790 tấn năm 1996 lên khoảng 6.500 tấn với mức kim ngạch khoảng 26 triệu USD vào năm 2005. Thị trường xuất khẩu chính là Úc, Nhật Bản, Hoa Kỳ, Trung Quốc. Ngoài nguồn nguyên liệu trong nước, hiện nay các doanh nghiệp xuất khẩu còn phải tổ chức khai thác thêm nguồn nguyên liệu nhập khẩu mới đáp ứng đủ nhu cầu của khách hàng. Do đó, trong thời gian tới Đồng Nai cần có biện pháp khai thác tốt hơn loại nông sản này.

+ *Tiêu*. Tổng diện tích trồng tiêu hiện nay ở Đồng Nai là 7.076 ha, sản lượng 2004 đạt 6.736 tấn. Hạt tiêu được tiêu thụ chủ yếu ở thị trường trong nước, nhưng cũng là một mặt hàng nông sản xuất khẩu. Tuy nhiên, khối lượng xuất khẩu hạt tiêu thường biến động, năm 2000 chỉ xuất khẩu được 625 tấn, dự tính năm 2005 xuất khẩu được khoảng 5.500 tấn, (tính cả doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài), đạt mức kim ngạch khoảng

11 triệu USD. Thị trường xuất khẩu chủ yếu là Xingapo, Hà Lan, Ixraen...

+ *Cao su*. Cây cao su chiếm diện tích lớn ở địa bàn. Đồng Nai do điều kiện thổ nhưỡng tương đối phù hợp. Diện tích trồng cao su hiện nay là 41,2 nghìn ha, sản lượng năm 2004 là 50 nghìn tấn. Sản lượng cao su xuất khẩu của các doanh nghiệp địa phương những năm gần đây ngày càng giảm do thị trường tiêu thụ chủ yếu là Trung Quốc xuất hiện những khó khăn về thanh toán. Đến nay, trên địa bàn không còn doanh nghiệp địa phương nào tiếp tục xuất khẩu cao su. Riêng Công ty Cao su Đồng Nai xuất khẩu ổn định, năm 2003 xuất khẩu được 21.104 tấn cao su, đạt giá trị 18.526.105 USD. Dự kiến năm 2005, xuất khẩu đạt 25.000 tấn, tương đương khoảng 30 triệu USD.

+ *Mía*. Mía là nguyên liệu phục vụ cho ngành chế biến đường và đáp ứng chủ yếu cho nhu cầu trong nước⁽¹⁾. Diện tích trồng mía ở Đồng Nai hiện nay khoảng 10 nghìn ha. Tổng sản lượng mía năm 2004 đạt 611,7 nghìn tấn.

- *Thủy sản*

Đồng Nai không có biển và địa hình chủ yếu là trung du đồi núi, song cũng có tiềm năng khá lớn để phát triển ngành thủy sản nước ngọt và nước lợ. Diện tích nước mặt của Đồng Nai gần 70.000 ha, trong đó nước ngọt là 66.000 ha, nước lợ 4.000 ha. Sông Đồng Nai chảy qua địa phận của tỉnh với chiều dài hơn 200 km. Chính dòng sông này đã và đang mang lại nguồn lợi thủy sản lớn cho nhân dân trong tỉnh. Nhiều vùng dân cư dọc sông Đồng Nai sống chủ yếu bằng đánh bắt, nuôi trồng thủy sản như La Ngà (Định Quán), Tân Mai, Long Bình (Biên Hòa) với nghề truyền thống nuôi cá bè trên sông đạt hiệu quả kinh tế cao.

Đồng Nai còn có 7 hồ chứa với gần 34.000 ha mặt nước tự nhiên trong đó có gần 24.000 ha có khả năng nuôi các loại thủy sản có hiệu quả. Đặc biệt, hồ Trị An với trên 23.500 ha diện tích mặt nước được người dân tận dụng nuôi cá bè với sản lượng thu hoạch hàng năm rất cao.

⁽¹⁾ Hiện nay, trên địa bàn có 2 công ty chế biến mía đường công nghiệp (Công ty mía đường Trị An và Công ty cổ phần mía đường La Ngà) với tổng công suất khoảng 545 tấn đường/năm và một số cơ sở chế biến đường thủ công với công suất hàng năm khoảng 100 nghìn tấn.

Phong trào nuôi cá bè của người dân Đồng Nai phát triển khá nhanh trong những năm gần đây với tổng diện tích gần 17.000 ha. Hàng năm nghề nuôi cá bè cung cấp nguồn thực phẩm dồi dào cho tiêu dùng trên địa bàn và nuôi sống hàng nghìn hộ dân sống bằng nghề này.

Phong trào nuôi cá, tôm trên ao, hồ, ruộng đồng cũng phát triển khá mạnh, điển hình là các huyện Long Thành, Nhơn Trạch. Được sự hỗ trợ vốn của Nhà nước và kỹ thuật của Trung tâm khuyến nông nên người dân đã biết áp dụng phương pháp nuôi tôm càng xanh thâm canh thay thế phương pháp nuôi quảng canh kém hiệu quả trước đây.

Lĩnh vực nuôi trồng thủy sản của Đồng Nai đến nay đã có những bước tiến nhảy vọt, đem lại thu nhập khá lớn cho người dân, tạo việc làm cho hơn 10.000 lao động. Đến năm 2004, giá trị sản xuất thủy sản đã đạt trên 400 tỷ đồng (giá cố định 1994). Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản năm 2004 hơn 30.000 ha, sản lượng thủy sản đạt 24.476 tấn, trong đó riêng tôm nuôi đạt 1.668 nghìn tấn.

- Lâm nghiệp

Đồng Nai có diện tích đất lâm nghiệp khá lớn, trong đó chủ yếu là rừng tự nhiên được hình thành từ lâu đời. Tổng diện tích đất lâm nghiệp hiện nay trên địa bàn là 178.643 ha, trong đó rừng tự nhiên là 110.678 ha.

Trong thời kỳ 1980-1990, lĩnh vực lâm nghiệp của Đồng Nai chủ yếu tập trung vào khai thác rừng tự nhiên và phần lớn do các lâm trường quốc doanh thực hiện. Từ sau năm 1990, Đồng Nai đã giảm dần việc khai thác, chuyển sang chăm sóc, tu bổ rừng và nuôi dưỡng rừng, thực hiện chủ trương đóng cửa rừng của Nhà nước.

Bằng nhiều nguồn vốn từ các Chương trình 327, Chương trình 773, Chương trình 120 và Chương trình 5 triệu ha rừng, từ năm 1990 đến nay, Đồng Nai đã trồng mới được 51.469 ha rừng. Công tác phòng chống cháy rừng cũng được đẩy mạnh, hạn chế đáng kể số vụ cháy rừng xảy ra vào mùa khô, góp phần bảo vệ tốt tài nguyên rừng của đất nước.

Ngoài việc thực hiện Chương trình 5 triệu ha rừng, tỉnh Đồng Nai cũng đang phát động thực hiện trồng rừng sản xuất, trồng cây phân tán, trồng cây gỗ lớn như sao, dầu, gõ đỏ, xà cừ... Giá trị sản xuất lâm nghiệp năm 2004 đạt gần 61,56 tỷ đồng.

Ngành lâm nghiệp Đồng Nai cũng đang điều chỉnh lại mô hình rừng trồng với cơ cấu và mật độ phù hợp với cây gỗ lớn, cây ăn trái, cây gỗ cho sản phẩm kinh doanh, cây tre lấy măng để đảm bảo hiệu quả kinh tế và sự phát triển bền vững. Ngành cũng đã chỉ đạo các đơn vị sưu tập, thử nghiệm ươm thành công một số loại cây lấy gỗ như cây ô đước, cây uoi và đưa giống tre trồng lấy măng vào các lâm trường để tạo nguồn cây giống đủ cung cấp cho chương trình chuyển đổi mô hình trồng rừng bền vững và trồng rừng gỗ lớn theo Nghị quyết của Đảng bộ tỉnh.

*** Phát triển nông thôn**

Trong quá trình 30 năm xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, Tỉnh ủy, chính quyền Đồng Nai luôn chú trọng đến phát triển nông thôn, coi đây là một nhiệm vụ trọng tâm trong các chủ trương, chính sách của mình. Nhờ có những chủ trương và chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước đối với nông nghiệp, nông thôn, nông thôn Đồng Nai đã có những bước phát triển không ngừng, đời sống của người dân nông thôn ngày càng được nâng cao.

Đặc biệt là từ khi Đảng ta tiến hành công cuộc đổi mới với khâu đột phá là kinh tế hộ nông dân, những chủ trương của Đảng và Nhà nước đã được cụ thể thành những chính sách hỗ trợ, khuyến khích người nông dân đẩy mạnh sản xuất hàng hoá. Đồng thời, tỉnh Đồng Nai cũng đầu tư vốn để xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn như điện, đường, thủy lợi..., thực hiện các hoạt động khuyến nông. Nông dân được hỗ trợ vay vốn ưu đãi qua các tổ chức tín dụng, qua các chi hội nghề nghiệp của hội nông dân. Những mô hình hợp tác xã kiểu mới ra đời đã phát huy tác dụng trong việc giúp người nông dân tổ chức lại sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng nâng cao hiệu quả, cơ giới hóa nông nghiệp, mở rộng ngành nghề nông thôn.

Kết quả là sản lượng nông nghiệp tăng lên vượt bậc, thu nhập và đời sống của người nông dân cũng không ngừng tăng lên. Nhiều hộ nông dân đã trở nên giàu có, tích tụ được vốn, mạnh dạn đầu tư mở rộng sản xuất, mà điển hình là sự phát triển mạnh mẽ của mô hình kinh tế trang trại trồng cây ăn quả, cây công nghiệp, trồng rừng và chăn nuôi. Tính đến năm 2004, toàn tỉnh đã có 3.117 trang trại với tổng diện tích hơn 10 nghìn